# VẤN ĐỀ LỰA CHỌN NGỮ LIỆU TRONG CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA "NGỮ VĂN"

Ngô Tự Lập
*(Chủ tịch HDDKH Viện CLEF)*

**Tóm tắt:** Qua khảo sát ba cuốn "Ngữ văn 6" của các bộ "Cánh diều" "Chân trời sáng tạo" và "Kết nối tri thức", bài báo chỉ ra những vấn đề bất cập về ngữ liệu trong sách giáo khoa "Ngữ văn" hiện hành ở Việt Nam. Bài báo cũng cho thấy rằng nguồn gốc của những vấn đề bất cập này là nhận thức sai lầm của các tác giả "Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể" và "Chương trình giáo dục phổ thông - môn Ngữ văn" về sứ mệnh và bản chất của môn học.

*Từ khóa:* Sách giáo khoa, Chương trình giáo dục phổ thông, Văn học

## 1. Mở đầu

Trong bài "***Nhất thể hóa sách giáo khoa như thế nào***?" đăng trên "Dân Việt", chúng tôi đã giải thích, tại sao đối với Việt Nam hiện nay, quyết định sử dụng một bộ sách giáo khoa thống nhất là vô cùng sáng suốt [1]. Đồng thời, chúng tôi cũng đề xuất một số nguyên tắc căn bản để tiến hành nhất thể hóa sách giáo khoa một cách nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả. Trong bài này, chúng tôi xin bàn cụ thể về sách giáo khoa môn "Ngữ văn", môn học đặc biệt quan trọng trong giáo dục phổ thông.

Để đánh giá những cuốn sách giáo khoa "Ngữ văn" hiện hành, chúng ta cần phải đánh giá lại "Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể" (dưới đây gọi là "Chương trình tổng thể") và "Chương trình giáo dục phổ thông - môn Ngữ văn" (dưới đây gọi là Chương trình Ngữ văn). Đến lượt mình, việc này lại phải bắt đầu từ sứ mệnh của môn học.

## 2. Mục đích của việc học văn

Học văn để làm gì? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần phải xem lại lịch sử. Thật ra, môn văn không phải lúc nào cũng được coi là quan trọng như chúng ta thấy ngày nay. Trong các trường học ở phương Tây thời Trung cổ người ta không dạy văn chương. Toàn bộ kiến thức được chia thành bảy bộ môn, thuộc hai tiểu loại, gọi là *Tam khoa* (Ngữ pháp, Tu từ học, Lô gích học) và *Tứ khoa* (Số học, Hình học, Thiên văn học và Âm nhạc). Sự phân chia này thường được gắn với tên tuổi của Aristotle nhưng thật ra có nguồn gốc từ Ai Cập.

Ở châu Á tình hình cũng không khác mấy. Các nhà Nho ở Việt Nam không dạy văn chương mà dạy Tứ thư, Ngũ kinh cùng các sách kinh điển khác. Đúng là trong Ngũ kinh có Kinh Thi, nhưng ngay cả đối với người Trung Quốc thì đó cũng là một cuốn sách kinh điển chứ không phải là sách văn chương. Bản thân cái gọi là văn chương theo nghĩa hiện đại cũng là một khái niệm tương đối mới. Ở Đông Á, như chúng ta đều biết, trong truyền thống hàng ngàn năm, văn, sử, triết vốn "bất phân". Ở phương Tây cũng tương tự. Terry Eagleton viết trong cuốn "***Nhập môn Lý luận văn học***" nổi tiếng của ông: "Ở nước Anh thế kỷ mười tám, khái niệm văn chương không hạn chế trong những gì mang tính "sáng tạo" hay "hư cấu" như đôi khi được quan niệm ngày nay. Nó chỉ toàn bộ những tác phẩm được xã hội đánh giá cao: triết học, lịch sử, tiểu luận và thư từ cũng như thơ ca. Cái làm cho một văn bản trở thành 'văn chương' không phải là tính hư cấu - thế kỷ mười tám rất ngờ vực liệu thể loại tiểu thuyết đang nổi lên có phải là văn chương hay không - mà là nó có phù hợp với một số chuẩn mực của 'nhã văn' hay không."[1] [2]

[1] Nguyên văn: "In eighteen-century England, the concept of literature was not confined as it sometimes is today to 'creative' or 'imaginative' writing. It meant the whole body of valued writing in society: philosophy, history,

Và Eagleton khẳng định rằng từ "văn chương" chỉ thực sự có nghĩa hiện đại như ngày nay vào thế kỷ XIX: "Văn chương theo nghĩa này là một hiện tượng lịch sử gần đây: nó được sáng tạo ra vào khoảng bản lề của thế kỷ mười tám, và có lẽ sẽ làm Chaucer hay thậm chí là Pope cực kỳ ngạc nhiên."[2] [3]

Vai trò của văn chương nổi lên cùng với sự hình thành của nhà nước dân tộc và "văn hóa dân tộc". Cách hiểu về văn hóa của chúng ta ngày nay chịu nhiều ảnh hưởng bởi quan niệm của Humboldt và các nhà tư tưởng đương thời như Schiller, Schleiermacher, Fichte. Đó là sự kết hợp hai mặt: những kiến thức khác nhau được nghiên cứu và sự phát triển nhân cách thông qua quá trình nghiên cứu đó. Các kiến thức được nghiên cứu dựa trên lý trí và được lý trí liên kết thành một hệ thống thống nhất, kết tinh trong truyền thống. Sự phát triển của nhân cách chính là sự trưởng thành của cá nhân thông qua việc hấp thụ những gì thuộc lý trí trong truyền thống đó. Ta gọi cá nhân đó là "con người có văn hóa".

Văn hoá gắn liền với truyền thống, nhưng đồng thời cũng có vai trò dẫn dắt con người tới tương lai. Văn hoá liên kết quá khứ, hiện tại và tương lai của một cộng đồng. *Văn hoá chính là nền tảng tạo nên bản sắc dân tộc*. Humboldt tin rằng nếu được giáo dục, con người sẽ trở thành những chủ thể tự do, có khả năng suy nghĩ độc lập để hành động vì lợi ích dân tộc - điều cực kỳ quan trọng đối với các *nhà nước - dân tộc* đang hình thành và lớn mạnh ở châu Âu.

Nền giáo dục đại chúng hiện đại ra đời trong bối cảnh đó và vì mục đích đó. Chính vì giáo dục bây giờ không chỉ có nhiệm vụ đào tạo nghề, mà còn có nhiệm vụ đào tạo ra *chủ thể văn hoá* của dân tộc, nên vai trò của văn học trở nên nổi bật. Lý do dễ nhận thấy là các môn như toán học và triết học có xu hướng hướng tới tính phổ quát, còn văn học gắn liền với ngôn ngữ và ký ức của một cộng đồng cụ thể. Một lý do khác là văn chương có thể dễ dàng được chia sẻ bởi đa số thành viên của một cộng đồng. Văn chương, hơn bất kỳ loại hình nghệ thuật nào, chứa đựng mọi cấp độ ký ức của cộng đồng.

Song song với sự gia tăng vai trò của môn văn là sự củng cố khái niệm "Nền văn học dân tộc". Hãy nhớ lại, trong hàng ngàn năm, ở châu Âu văn chương đích thực phải viết bằng tiếng Latinh. Văn chương viết bằng tiếng bản địa (vernacular literature) khi đó bị coi là "nôm na", dân dã, không có giá trị, mặc dù nó vẫn không ngừng phát triển dưới thời Trung Cổ. Thi hào Dante là tác giả đầu tiên ở Italia (và có lẽ cả châu Âu) không chỉ sáng tác mà còn ra sức truyền bá những văn học viết bằng tiếng bản địa. Tương tự như vậy, ở vùng Á Đông, cho đến thời cận đại, văn học đích thực phải viết bằng chữ Hán. Trong lịch sử văn học Việt Nam, Nguyễn Trãi đóng vai trò tương tự như vai trò của Dante trong văn học Italia - Ông là tác giả của những kiệt tác văn chương đầu tiên *viết bằng tiếng Việt.* Sự ra đời và lớn mạnh của nhà nước dân tộc dẫn đến sự tôn vinh văn học dân tộc: mỗi dân tộc sớm hay muộn đều chọn lựa, tạo dựng những đại văn hào, những kiệt tác văn chương của riêng mình.

Ở mọi nước, dạy văn trước hết là dạy văn chương dân tộc. Sự giảng dạy văn chương dĩ nhiên phải phụ thuộc vào đặc điểm lịch sử của từng nước. Tuy nhiên, chương trình giảng dạy luôn luôn phải được xây dựng trên cơ sở truyền thống văn học dân tộc, hướng tới việc giới thiệu các thành tựu, thông qua các điển phạm (canon), tức là các tác phẩm được coi là tinh túy của nền văn học dân tộc.

Dù cách thức và nội dung giảng dạy có ít nhiều khác nhau ở các nước khác nhau, môn văn trong nhà trường phổ thông không bao giờ đơn thuần là một môn nghệ thuật. *Sứ mệnh quan trọng nhất của việc dạy văn ở trường phổ thông là kiến tạo ký ức văn hóa chung, thông qua đó đào tạo con người dân tộc và bồi đắp bản sắc văn hoá.* Người Pháp học văn học Pháp để trở thành người Pháp. Người Việt Nam học văn học Việt Nam để trở thành người Việt Nam.

---

essays and letters as well as poems. What made a text 'literary' was not whether it was fictional - the eighteenth century was in grave doubt about whether the new upstart form of the novel was literature at all - but whether it conformed to certain standards of 'polite letters'".

[2] Nguyên văn: "Literature in this sense of the word is an historically recent phenomenon: it was invented sometime around the turn of the eighteenth century, and would have been thought extremely strange by Chaucer or even Pope".

## 3. Quan niệm sai lầm về môn văn trong "Chương trình tổng thể" và "Chương trình Ngữ văn"

Một số nhà giáo dục ở Việt Nam coi môn văn ở trường phổ thông thuần túy là một môn nghệ thuật. Nhóm "Cánh Buồm" (Xin chớ nhầm với nhóm Cánh diều), chẳng hạn, viết trong "Lời dặn bạn dùng sách" của cuốn "***Học văn***" như sau: "Trong bộ sách do nhóm Cánh Buồm khởi thảo có môn Giáo dục Nghệ thuật được dạy ngay từ lớp Một – mà vì những lý do tâm lý – xã hội, môn học này vẫn tạm gọi là môn Văn". [4]

Nhóm Cánh Buồm giải thích: "Mục tiêu của việc học Văn ngay từ khi trẻ em bắt đầu đi học ở bậc phổ thông là tạo ra trong nhận thức các em một ngữ pháp nghệ thuật và tạo ra trong tâm lý các em cái phần hồn của việc học Văn là năng lực đồng cảm với thân phận người". [5]

Quan niệm của các tác giả "Chương trình tổng thể" và "Chương trình Ngữ văn" thậm chí còn hẹp hơn. Họ hoàn toàn bỏ qua sứ mệnh quan trọng nhất của môn văn trong nhà trường phổ thông, đặc biệt ở một đất nước đa sắc tộc như Việt Nam, đó là sứ mệnh bồi đắp ký ức văn hóa chung của con người dân tộc. Họ quy môn văn thành một môn công cụ với ít nhiều "tính thẩm mĩ - nhân văn" và thay tên gọi môn "Văn" bằng môn "Ngữ văn" (gọi là "Tiếng Việt" ở cấp Tiểu học). Các tác giả viết:

> "Ngữ văn là môn học mang tính công cụ và tính thẩm mĩ - nhân văn; giúp học sinh có phương tiện giao tiếp, làm cơ sở để học tập tất cả các môn học và hoạt động giáo dục khác trong nhà trường; đồng thời cũng là công cụ quan trọng để giáo dục học sinh những giá trị cao đẹp về văn hóa, văn học và ngôn ngữ dân tộc; phát triển ở học sinh những cảm xúc lành mạnh, tình cảm nhân văn, lối sống nhân ái, vị tha..." ("Chương trình Ngữ văn", I. Đặc điểm môn học).

Với quan niệm như thế, các tác giả "Chương trình Ngữ văn" đưa ra những yêu cầu mang nặng tính kỹ thuật cần đạt về "Năng lực ngôn ngữ" và "Năng lực văn học" xoay quanh các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe "văn bản", trong đó văn chương chỉ là một loại văn bản, bên cạnh các loại văn bản khác mang tính thông tin, tường thuật sự kiện, và thậm chí cả các sơ đồ, bảng biểu. Về mục tiêu của môn học ở cấp trung học cơ sở, "Chương trình Ngữ văn" viết:

> "Phát triển năng lực ngôn ngữ với yêu cầu: phân biệt được các loại văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin; đọc hiểu được cả nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn của các loại văn bản; viết được đoạn và bài văn tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng hoàn chỉnh, mạch lạc, logic, đúng quy trình và có kết hợp các phương thức biểu đạt; nói dễ hiểu, mạch lạc; có thái độ tự tin, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp; nghe hiểu với thái độ phù hợp.
>
> Phát triển năng lực văn học với yêu cầu: phân biệt được các thể loại truyện, thơ, kí, kịch bản văn học và một số tiểu loại cụ thể; nhận biết được đặc điểm của ngôn ngữ văn học, nhận biết và phân tích được tác dụng của những yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với mỗi thể loại văn học; nhận biết được giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức, giá trị thẩm mĩ; phân tích được tính hình tượng, nội dung và hình thức của tác phẩm văn học; có thể tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học". ("Chương trình Ngữ văn", III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH. 3. Mục tiêu cấp trung học cơ sở).

Quan niệm về môn Ngữ văn một cách phiến diện như vậy dẫn đến những hệ quả cực kỳ quan trọng về phương pháp giảng dạy cũng như cách lựa chọn ngữ liệu.

*Về phương pháp giảng dạy,* được quan niệm là một môn học mang tính công cụ, môn Ngữ văn thực chất trở thành môn học dạy *về các loại văn bản*, chứ không phải là dạy *văn chương*. Sự đồng nhất tác phẩm với văn bản, mà giá trị được quy định hoàn toàn bởi các đặc điểm nội tại của nó, là nguyên nhân chính và trực tiếp dẫn đến tình trạng lan tràn của văn mẫu và khảo thí theo mẫu – vấn đề này chúng tôi xin được bàn trong một dịp khác. Chủ đề của bài viết này là ngữ liệu.

*Về ngữ liệu*, "Chương trình Ngữ văn" viết:

> "Chương trình chỉ nêu định hướng về các kiểu văn bản và thể loại được dạy ở từng lớp; riêng ở cấp tiểu học có quy định độ dài của văn bản […] Chương trình có định hướng mở về ngữ liệu (NTL nhấn mạnh). Tuy vậy, để bảo đảm nội dung giáo dục cốt lõi, thống nhất trên cả nước, bên cạnh những văn bản gợi ý tác giả sách giáo khoa và giáo viên lựa chọn, chương trình quy định

một số văn bản bắt buộc và văn bản bắt buộc lựa chọn". ("Chương trình Ngữ văn", V.1.3. Ngữ liệu).

Theo quy định của Chương trình, sáu "văn bản bắt buộc" phải dạy là: 1) " Nam quốc sơn hà" (Thời Lý); 2) "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn; 3) "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi; 4) "Truyện Kiều" của Nguyễn Du; 5) "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" của Nguyễn Đình Chiểu; 6) "Tuyên ngôn Độc lập" của Hồ Chí Minh

*Về văn học dân gian Việt Nam*, Chương trình yêu cầu phải chọn tối thiểu 10 văn bản, bao gồm:

+ 4 văn bản đại diện cho 4 thể loại trong kho tàng truyện dân gian Việt Nam: truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười;

+ 3 bài ca dao về các chủ đề: quê hương đất nước; tình yêu, tình cảm gia đình; con người và xã hội (trữ tình hoặc trào phúng);

+ 1 sử thi Việt Nam;

+ 1 truyện thơ của các dân tộc thiểu số Việt Nam;

+ 1 kịch bản chèo hoặc tuồng.

*Về văn học viết Việt Nam,* cần chọn ít nhất 01 tác phẩm của 13 tác giả sau:

1) Thơ Nôm, văn nghị luận của Nguyễn Trãi;

2) Thơ chữ Hán của Nguyễn Du;

3) Thơ Nôm của Hồ Xuân Hương;

4) Thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu;

5) Thơ Nôm của Nguyễn Khuyến;

6) Truyện và thơ của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh;

7) Truyện ngắn, tiểu thuyết của Nam Cao;

7) Tiểu thuyết, phóng sự của Vũ Trọng Phụng;

8) Thơ của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám;

9) Thơ của Tố Hữu trước và sau Cách mạng tháng Tám;

10) Truyện ngắn, kí của Nguyễn Tuân;

11) Kịch của Nguyễn Huy Tưởng;

12) Kịch của Lưu Quang Vũ.

Phần *Văn học nước ngoài,* cần chọn ít nhất 01 văn bản của 08 nền văn học Anh, Pháp, Mỹ, Hy Lạp, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ.

Về bản chất, "định hướng mở về ngữ liệu" là phó mặc cho các nhóm biên soạn. Ngoài 06 "văn bản bắt buộc" cho toàn bộ 12 năm học, việc lựa chọn ngữ liệu hoàn toàn phụ thuộc vào ý thích và thị hiếu của các nhóm biên soạn - ngay cả đối với những văn bản của 13 tác giả "bắt buộc lựa chọn". Điều này có nghĩa là phần lớn ngữ liệu trong các bộ sách khác nhau sẽ khác nhau, khiến cho sứ mệnh bồi đắp ký ức văn hóa chung của dân tộc trở nên vô cùng thách thức.

Nhưng sự phó mặc như vậy, cùng với quan niệm về môn Ngữ văn như là một môn học mang tính công cụ, còn dẫn đến một loạt nguy cơ khác, đó là:

*1) Nguy cơ vắng mặt nhiều tác giả, tác phẩm xuất sắc:* Nhóm biên soạn không có nghĩa vụ phải chọn tác phẩm của các tác giả cổ điển như Lý Tế Xuyên, Nguyễn Dữ, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Bà Huyện Thanh Quan, Tú Xương...; các tác giả kinh điển mới (trước 1945) như Tản Đà, Ngô Tất Tố, Huy Cận...; các tác giả quan trọng của văn học cách mạng như Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Chính Hữu, Nguyễn Thi, Lê Anh Xuân, Phạm Tiến Duật... Đó là chưa nói đến những tác phẩm lớn của văn học Xô Viết, như "Người mẹ" của Gorky hay "Thép đã tôi thế đấy" của Ostrovsky, mặc dù chúng ta vẫn khẳng định con đường xây dựng Chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

*2) Nguy cơ vắng bóng văn học của các sắc tộc ít người:* Nhóm biên soạn không có nghĩa vụ phải chọn đại diện của văn học các sắc tộc thiểu số (Cả văn học dân gian lẫn văn học viết, ngoài 01 truyện thơ theo quy định). Điều này có nghĩa là môn "Ngữ văn" có nguy cơ trở thành môn "Ngữ văn của người Kinh", còn học sinh các sắc tộc ít người trở thành kẻ ngoài cuộc, xa lạ ngay trên chính đất nước mình. Ngược lại, các em học sinh người Kinh cũng chịu thiệt thòi vì

không được biết đến những di sản văn hóa quý báu của các sắc tộc anh em, cũng là di sản văn hóa chung của đất nước.

*3) Nguy cơ lạm dụng tác phẩm của các tác giả mới, chưa được thời gian thẩm định, hay thậm chí gây tranh cãi, cả về tác phẩm lẫn về nhân thân tác giả.* Bạn có thể đặt câu hỏi: vì sao lại bàn đến nhân thân tác giả? Xin trả lời: giáo dục phổ thông có sứ mệnh cung cấp những kiến thức chung, hình thành những phẩm chất chung, chứ không phải là phòng thí nghiệm. Vì vậy, ngữ liệu phải là những tác phẩm xuất sắc của những tác giả được công nhận rộng rãi là đại diện tiêu biểu của văn học dân tộc. Với các tác giả còn đang sáng tác, chúng ta chưa thể đánh giá công bằng sự nghiệp của họ. Chúng ta càng không thể dạy những tác phẩm gây tranh cãi hoặc tác phẩm của những tác giả gây tranh cãi. Không ai dám chắc họ sẽ không vi phạm pháp luật, phản bội Tổ Quốc, hay ít nhất là có những hành vi phản cảm trong xã hội. Thử hỏi, trường học ở Mỹ có thể dạy thơ Bin Laden hay không? Trường học ở Đức có thể dạy những bài diễn thuyết của Hitler hay không? Ở đây chúng ta chưa bàn đến yếu tố vụ lợi, cánh hẩu, hoàn toàn có thể có trong việc lựa chọn các tác giả đương đại.

*4) Một nguy cơ khác không kém phần đáng lo ngại là sự lạm dụng các văn bản phi văn học (báo chí, hợp đồng, biên bản...; những bản tóm tắt, rút gọn, sửa chữa hoặc mô phỏng từ nguyên bản...), trong đó có các văn bản do chính nhóm tác giả sách giáo khoa viết*. Đây là hệ quả trực tiếp của quan niệm về môn Ngữ văn như là một môn học mang tính công cụ. Xin nhắc lại, dạy văn dứt khoát không thể đơn thuần là dạy về các thể loại, các lý thuyết văn học hay thậm chí là kỹ năng phân tích văn bản. Dạy văn trước hết là bồi đắp tâm hồn dân tộc thông qua văn chương. Mục đích của môn học chỉ có thể coi là đạt được nếu các em yêu và nhớ những câu ca dao và truyện cổ của các sắc tộc anh em trên mọi miền đất nước, thuộc lòng những bài thơ của Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quang, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính, Hồ Dzếnh, Bàn Tài Đoàn, Lò Ngân Sủn..., say mê những câu văn của Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh, Nam Cao, Ngô Tất Tố, Nguyễn Minh Châu...

*Tóm lại, "Chương trình tổng thể" và "Chương trình Ngữ văn" chứa đựng một quan niệm sai lầm căn bản về bản chất và sứ mệnh của môn văn. Một trong những hậu quả nghiêm trọng nhất của quan niệm sai lầm này là chủ trương thả nổi việc lựa chọn "ngữ liệu" cho các nhóm biên soạn sách giáo khoa thông qua "định hướng mở về ngữ liệu".*

## 4. Ngữ liệu trong sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành

Bây giờ chúng ta hãy cùng nhau xem xét thực trạng của ngữ liệu trong các sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành. Do khuôn khổ của bài báo, chúng tôi xin tập trung vào ba cuốn "Ngữ văn 6" của các bộ "***Cánh diều"*** do Nguyễn Minh Thuyết tổng chủ biên, Đỗ Ngọc Thống chủ biên [6], "***Chân trời sáng tạo"*** do Nguyễn Thị Hồng Nam chủ biên [7], và "***Kết nối tri thức"*** do Bùi Mạnh Hùng chủ biên [8]. Dưới đây, ba cuốn sách này sẽ được gọi tắt là "Cánh diều", "Chân trời sáng tạo" và "Kết nối tri thức". Trong số này, "***Cánh diều***" là đặc biệt nhất, vì ông Nguyễn Minh Thuyết chính là Tổng chủ biên "Chương trình tổng thể", còn ông Đỗ Ngọc Thống là tác giả chính của "Chương trình Ngữ văn". Chúng ta có lý do để tin rằng "***Cánh diều***" phản ánh đầy đủ nhất tinh thần của hai văn bản ấy.

Những ngữ liệu chính của ba cuốn sách được liệt kê trong bảng dưới đây. Cách trình bày trong bảng có đôi chỗ không hoàn toàn thống nhất, và số liệu cũng không chính xác tuyệt đối, lý do là cách chú thích nguồn gốc văn bản không giống nhau trong ba cuốn sách, việc xác định thế hệ cũng như quốc tịch của tác giả đôi khi trùng lặp, có văn bản không rõ tác giả... Thêm nữa, ngoài những văn bản ít nhiều hoàn chỉnh, còn có những câu trích ngắn, những mẫu văn bản, những bài viết của học sinh và cả những văn bản do chính nhóm biên soạn chỉnh sửa, tổng hợp hoặc biên soạn.

| | Văn học dân gian | Tác phẩm, tác giả Việt Nam | Tác phẩm, tác giả nước ngoài |
|---|---|---|---|
| **Cánh diều** | 1. Thánh Gióng<br>2. Thạch Sanh | 1. À ơi tay mẹ (Bình Nguyên)<br>2. Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương) | 1. Thời thơ ấu của Hon-đa (Hon-đa So-i-chi-ro, Nhật |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 3. Sự tích Hồ Gươm<br>4. Em bé thông minh | 3. Những điều bố yêu (Nguyễn Chí Thuật)<br>4. Trong lòng mẹ (Nguyên Hồng),<br>5. Đồng Tháp Mười mùa nước nổi (Văn Công Hùng)<br>6. Người thủ thư thời thơ ấu (Nguyễn Thụy Anh)<br>7. Thăm sâu Hồng Ngài (Theo Lam Linh, VN Express)<br>8. Nguyên Hồng – Nhà văn của những người cùng khổ (Nguyễn Đăng Mạnh)<br>9 Vẻ đẹp của một bài ca dao (Hoàng Tiến Tựu)<br>10. Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước (Bùi Mạnh Nhị)<br>11. Con cò trong ca dao (Vũ Ngọc Phan)<br>12. Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn độc lập (Bùi Đình Phong)<br>13. Giờ trái đất (Theo baodautu.vn)<br>14. Những mốc son của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 (Đồ họa, dẫn theo vietnamplus.vn)<br>15. Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài)<br>16. Anh cút lủi (Võ Quảng)<br>17. Đêm nay Bác không ngủ (Minh Huệ),<br>18. Lượm (Tố Hữu)<br>19. Sao không về vàng ơi (Trần Đăng Khoa)<br>20. Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật? (Kim Hạnh Bảo – Trần Nghị Du)<br>21. Khan hiếm nước ngọt (Theo Trịnh Văn, Báo Nhân Dân)<br>22. Tại sao nên có vật nuôi trong nhà? (Theo Thùy Dương, Tổng hợp từ Tri thức trẻ - Báo điện tử Tổ quốc)<br>23. Thế giới ra sao nếu không có cây xanh (Theo Thu Thủy - songmoi.vn)<br>24. Bức tranh của em gái tôi (Tạ Duy Anh)<br>25. Điều không tính trước (Nguyễn Nhật Ánh)<br>26. Chích bông ơi (Cao Duy Sơn),<br>27. Kẹo vật (Kim Lân),<br>28. Nắng trưa bồi hồi (Phong Thu)<br>29. Phạm Tuyên và những ca khúc chiến thắng (Theo Nguyệt Cát, kienthuc.net.vn)<br>30. Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng (Theo thethaovanhoa.vn)<br>31. Những phát minh "tình cờ và bất ngờ" (Lược trích theo khoahoc.tv)<br>32. World Wide Web ra đời và phát triển như thế nào 30 năm qua? (Dẫn theo vtv.vn). | Bản)<br>2. Ông lão đánh cá và con cá vàng (Pu-skin kể, Nga, theo bản dịch của Vũ Đình Liên và Lê Trí Viễn)<br>3. Cô bé bán diêm (An-đéc-xen, (Đan Mạch, Nguyễn Văn Hải – Vũ Minh Toán dịch)<br>4. Gấu con chân vòng kiềng (U-xa-chốp, Nga, Nguyễn Quỳnh Hương dịch, theo Stihi.ru) |
| **Chân trời sáng tạo** | 1. Thánh Gióng<br>2. Sự tích Hồ Gươm<br>3. Bánh chưng bánh giầy<br>4. Sọ Dừa<br>5. Em bé thông minh<br>6. Rủ nhau chơi khắp Long Thành (ca dao) | 1. Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân (Minh Nhương)<br>2. Kể lại truyện cổ tích Cây khế (Bài của học sinh, có chỉnh sửa)<br>3. Chuyện cổ nước mình (Lâm Thị Mỹ Dạ)<br>4. Việt Nam quê hương ta (Nguyễn Đình Thi)<br>5. Về bài ca dao "Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng" (Bùi Mạnh Nhị)<br>6. Hoa bìm (Nguyễn Đức Mậu)<br>7. Chăn trâu đốt lửa (Đồng Đức Bốn)<br>8. Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài)<br>9. Giọt sương đêm (Trần Đức Tiến)<br>10. Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ (Nguyễn Ngọc Thuần)<br>11. Cô gió mất tên (Xuân Quỳnh),<br>12. Lao xao ngày hè (Duy Khán)<br>13. Thương nhớ bầy ong (Huy Cận)<br>14. Một năm ở tiểu học (Nguyễn Hiến Lê)<br>15. Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)<br>16. Tuổi thơ tôi (Nguyễn Nhật Ánh)<br>17. Con gái của mẹ (Theo Thái Bá Dũng, báo Tuổi trẻ)<br>18. Những cánh buồm (Hoàng Trung Thông)<br>19. Con là..." (Y Phương),<br>20. Phải chăng chỉ có ngọt ngào mới làm nên hạnh phúc? (Phạm Thị Ngọc Diễm)<br>21. Con muốn làm một cái cây" (Võ Thu Hương)<br>22. Và tôi nhớ khói (Đỗ Bích Thúy)<br>23. Lễ cúng thần của người Chơ-ro (Theo Văn Quang, Văn Tuyên, Báo ảnh Dân tộc và miền núi)<br>24. Ngày môi trường thế giới và hành động của tuổi trẻ (Nhóm biên soạn tổng hợp từ báo Tuổi trẻ, Nhân dân, trang web của Bộ Tài nguyên và Môi trường)<br>25. Lượm (Tố Hữu). | 1. Non-bu và Heng-bu (Truyện cổ tích Hàn Quốc)<br>2. Chiếc lá cuối cùng (Ô. Hen-ri, Hoa Kỳ, Ngô Vĩnh Viễn dịch)<br>3. Mây và sóng (Ra-bin-đờ-ra-nát Ta-go, Ấn Độ)<br>4. Chị sẽ gọi em bằng tên (Giắc Can-phiu & Mắc Vich-to Han-xen, Hoa Kỳ), First News biên dịch)<br>5. Lẵng quả thông" (Pao-tốp-xơ-ki, Nga)<br>6. Cô bé bán diêm (An-đéc-xen, Đan Mạch)<br>7. Hai cây phong (Ai-tơ-ma-tốp, Cư-rơ-gư-xtan, Nguyễn Ngọc Bằng - Cao Xuân Hạo - Bồ Xuân Tiến dịch)<br>8. Trái đất – Mẹ của muôn loài" (Theo Trịnh Xuân Thuận, Pháp, Phạm Văn Thiều – Ngô Vũ dịch) |
| **Kết nối tri thức** | 1. Thánh Gióng<br>2. Sơn Tinh Thủy Tinh<br>3. Bánh chưng bánh giầy<br>4. Thạch Sanh<br>5. Cây khế<br>6. Sọ Dừa | 1. Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài)<br>2. Bắt nạt (Nguyễn Thế Hoàng Linh)<br>3. Những người bạn (Tôi là Bê-tô, Nguyễn Nhật Ánh)<br>4. Chuyện cổ tích về loài người (Xuân Quỳnh)<br>5. Bức tranh của em gái tôi (Tạ Duy Anh)<br>6. Cảm xúc khi đọc bài thơ Mây và sóng của Ta-go (Nhóm biên soạn)<br>7. Những cánh buồm (Hoàng Trung Thông)<br>8. Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)<br>9. Con chào mào (Mai Văn Phấn) | 1. Nếu cậu muốn có một người bạn (Ăng-toan Đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri, Pháp)<br>2. Mây và sóng (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go, Ấn Độ)<br>3. Cô bé bán diêm (Han Cri-xti-an An-đéc-xen, Đan Mạch)<br>4. Lắc-ki thực sự may mắn |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | 10. Trải nghiệm buồn của tôi (Bài của học sinh)<br>11. Chuyện cổ nước mình" (Lâm Thị Mỹ Dạ)<br>12. Cây tre Việt Nam (Thép Mới)<br>13. Nét đẹp của bài ca dao "Anh đi anh nhớ quê nhà" (Nhóm biên soạn)<br>14. Hành trình của bầy ong (Nguyễn Đức Mậu)<br>15. Cô Tô (Nguyễn Tuân)<br>16. Hang Én (Theo Hà My, Trang thông tin điện tử Sở du lịch Quảng Bình)<br>17. Cửu Long Giang ta ơi (Nguyên Hồng)<br>18. Một buổi chợ phiên ở vùng cao (Nhóm biên soạn)<br>19. Nghìn năm tháp Khương Mỹ" (Lam Linh)<br>20. Ai ơi mồng 9 tháng 4 (Theo Anh Thư, báo điện tử Hà Nội mới)<br>21. Hội chợ xuân ở trường tôi (Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)<br>22. Đóng vai nhân vật kể lại một phần truyện Thạch Sanh (Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)<br>23. Xem người ta kìa! (Theo Lạc Thanh, tạp chí Sông Lam)<br>34. Câu chuyện đồng phục (Bài làm của học sinh)<br>35. Tiếng cười không muốn nghe (Minh Đăng, tạp chí Hồng Lĩnh)<br>36. Trái Đất – cái nôi của sự sống (Theo Hồ Thanh Trang, báo điện tử Đất Việt)<br>37. Các loài chung sống với nhau như thế nào? (Ngọc Phú, báo điện tử Đất Việt)<br>38. Biên bản – Bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng "Ngày chủ nhật xanh" (Mẫu)<br>39. Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi" (Theo Minh Khoa, báo điện tử Giáo dục Việt Nam)<br>40. Nỗi đau của Ken-ga và trách nhiệm của con người với môi trường" (Bài làm của học sinh).<br>Ngoài ra còn có một số câu trích ngắn. | (Lu-i Xe-pun-ve-da, Chile)<br>5. Vua chích chòe (Truyện cổ Gờ-rim, Đức)<br>6. Hai loại khác biệt (Giong-mi Mun, Hàn Quốc, theo Dương Ngọc Lâm dịch)<br>7. Nhóc Nhi-cô-la: Những chuyện chưa kể" (R-nê Gô-xi-nhi và Giăng-giắc Xăng-pê, Pháp)<br>8. Trái Đất (Ra-xun Gam-da-tốp, Đa-ghe-xtan, Nga, Minh Tâm dịch, báo điện tử Đất Việt)<br>9. Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào? (Nguyễn Quang Riệu, Pháp) |

Bảng thống kê cho thấy, mặc dù ngữ liệu trong ba cuốn sách rất khác nhau, tất cả những nguy cơ mà chúng tôi dự báo đều trở thành hiện thực:

*1) Sự vắng mặt gần như hoàn toàn của văn học các sắc tộc ít người:* Tất cả các truyện cổ tích, truyền thuyết và ca dao được chọn trong cả ba cuốn sách đều là của người Kinh. Văn học viết của các sắc tộc thiểu số cũng chỉ có một đại diện duy nhất là Y Phương (dân tộc Tày), trong cuốn "***Chân trời sáng tạo***".

*2) Sự bất hợp lý trong lựa chọn các "văn bản" nước ngoài.* "***Cánh diều***" có 4 văn bản của 3 nước (Nhật, Nga, Đan Mạch), "***Chân trời sáng tạo***" có 8 văn bản của 7 nước (Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Nga, Đan Mạch, Cư-rơ-gư-xtan, Pháp), và "***Kết nối tri thức***" có tới 9 văn bản của 7 nước (Pháp, Ấn Độ, Đan Mạch, Chile, Đức, Hàn Quốc, Nga). Trong số đó, không chỉ có thơ, truyện và truyện cổ tích, mà còn có cả hồi ký doanh nhân, sách dạy kỹ năng, đạo đức - Bên cạnh những tác giả kinh điển, có cả những tác giả không chuyên hoặc hầu như vô danh.

*3) Sự lệch lạc trong việc lựa chọn các tác phẩm văn học viết Việt Nam.* Đây là mảng ngữ liệu có số lượng lớn nhất, nhưng cũng thiếu hệ thống và thiếu chuẩn mực nhất, cho thấy rằng các tác giả không có tiêu chí lựa chọn rõ ràng.

"***Cánh diều***" lựa chọn 32 văn bản của 32 tác giả, trong số đó không có tác giả cổ điển nào; chỉ có 04 tác giả trước 1945 (Nguyên Hồng, Vũ Ngọc Phan, Tô Hoài, Kim Lân) và 04 tác giả của văn học cách mạng (Võ Quảng, Minh Huệ, Tố Hữu, Trần Đăng Khoa). Trong khi đó, có tới 24 tác giả đương đại, trong đó có nhiều tác giả ẩn danh được ghi dưới dạng "Theo thethaovanhoa.vn", "Lược trích theo khoahoc.tv", "Dẫn theo vtv.vn"....

"***Chân trời sáng tạo***" lựa chọn 25 văn bản của 25 tác giả, trong đó không có tác giả cổ điển nào. Văn học trước 1945 đóng góp 03 tác giả (Tô Hoài, Huy Cận, Thạch Lam); Văn học cách mạng có 07 tác giả; Văn học Miền Nam có 01 tác giả (Nguyễn Hiến Lê). Toàn bộ 15 văn bản còn lại là của các tác giả đương đại hoặc của nhóm biên soạn.

"***Kết nối tri thức***" có 40 văn bản của 40 tác giả, trong số đó không có tác giả cổ điển nào. Văn học trước 1945 đóng góp 04 tác giả (Tô Hoài, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng); văn học cách mạng có 05 tác giả (Xuân Quỳnh, Hoàng Trung Thông, Lâm Thị Mỹ Dạ, Thép Mới, Nguyễn Đức Mậu). Toàn bộ 31 văn bản còn lại là của các tác giả đương đại, của học sinh hoặc của nhóm biên soạn.

Như vậy, trong cả ba cuốn sách, đa số ngữ liệu là những "văn bản" chưa được thời gian thử thách của những tác giả đương đại hoặc của chính nhóm biên soạn. Trong số này, khoảng

hơn 30-40 % (con số này phụ thuộc vào từng cuốn) không phải là tác phẩm văn chương (văn, thơ, kịch, ký văn học...), mà là những văn bản thông thường (báo chí, hồi ký doanh nhân, sách dạy đạo đức, kỹ năng sống và phổ biến khoa học, và cả bản tin, biên bản cuộc họp). Rõ ràng là ngữ liệu của cả ba bộ sách đều không phù hợp để giúp môn Ngữ văn hoàn thành sứ mệnh của mình. Trên thực tế, khi được đưa vào sử dụng, chúng đã châm ngòi cho những cuộc tranh luận gay gắt về giá trị của các ngữ liệu.

Nhưng không thể đổ toàn bộ trách nhiệm cho các nhóm tác giả. Trái lại, chúng ta cần phải ghi nhận nỗ lực của họ trong việc tìm tòi cách thức giảng dạy nhằm khuyến khích sự tham gia tích cực của học sinh và đưa môn Ngữ văn đến gần với cuộc sống. Cả ba cuốn đều đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, chứng tỏ chúng đã đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của "Chương trình tổng thể" và "Chương trình Ngữ văn). Cội nguồn của vấn đề là quan niệm sai lầm về sứ mệnh của môn văn, dẫn đến "định hướng mở về ngữ liệu", trong chính những văn bản ấy.

## 5. Một số đề xuất mang tính nguyên tắc về việc lựa chọn ngữ liệu

Để xây dựng bộ sách giáo khoa Ngữ văn mới, theo chúng tôi, việc đầu tiên cần làm là thống nhất một danh mục ngữ liệu đáp ứng những yêu cầu căn bản sau đây:

*1. Ngữ liệu phải thể hiện được rằng Việt Nam là một quốc gia đa dạng văn hóa nhưng thống nhất, đồng thời là một thành viên bình đẳng trong cộng đồng nhân loại.*

Hiện nay dân số Việt Nam khoảng hơn 100 triệu người, trong đó người Kinh chiếm khoảng 85% và 53 sắc tộc anh em chiếm khoảng 15%. Các sắc tộc anh em sống trên những vùng miền khác nhau, sử dụng khoảng 100 ngôn ngữ khác nhau, với sự khác biệt còn khá lớn về kinh tế - xã hội. Căn cứ vào những đặc điểm trên, chúng tôi đề xuất phân chia ngữ liệu theo tỷ lệ như sau (dĩ nhiên tỷ lệ này chỉ là tương đối):

1) Văn học của các sắc tộc thiểu số: 35%
2) Văn học nước ngoài: 15%
3) Văn học của người Kinh: 50%

(Trong số tác phẩm của tác giả người Kinh, nên dành một tỷ lệ thích đáng cho những tác phẩm viết về miền núi và các sắc tộc thiểu số, như "Vợ chồng A Phủ" của Tô Hoài, "Một người mẹ Trung Quốc" của Nguyên Hồng...)

*2. Ngữ liệu phải bao gồm những tác phẩm xuất sắc của những tác giả xuất sắc, đã được thời gian thẩm định, được công nhận rộng rãi, xứng đáng được coi là tinh hoa văn chương của Việt Nam và thế giới.* Điều này có nghĩa là cần hạn chế tối đa việc lựa chọn tác phẩm của các tác giả mới, tác giả không chuyên, và nhất là các văn bản do nhóm biên soạn tự viết ra.

Với phần văn học viết Việt Nam, chúng tôi đề xuất một tỷ lệ như sau:

Các tác giả cổ điển: 40%
Các tác giả giai đoạn 1900-1945: 25%
Các tác giả giai đoạn Kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ: 25%
Các tác giả khác (bao gồm cả các tác giả đương đại): 10%

(Tác phẩm của các tác giả đương đại phải là những tác phẩm đặc biệt xuất sắc).

Với phần văn học nước ngoài: Chúng ta chỉ nên lựa chọn tác phẩm của các tác giả kinh điển.

*3. Ngữ liệu phải là những tác phẩm gốc, hoặc trích đoạn của những tác phẩm gốc, chứ không phải là những văn bản mô phỏng, phóng tác, tóm tắt hay những văn bản do nhóm tác giả tự biên soạn.* Yêu cầu này là vô cùng quan trọng, bởi vì chỉ thông qua việc giảng dạy tác phẩm gốc, môn Ngữ văn mới có thể thực hiện sứ mệnh bồi đắp ký ức và giá trị văn hóa dân tộc. Khi dạy thơ Đường luật, chẳng hạn, sẽ có một sự khác biệt hoàn toàn giữa việc chọn một bài thơ của Tú Xương với chọn một bài thơ của một tác giả bất kỳ. Bài thơ Đường luật của một tác giả bất kỳ chỉ là ví dụ cho một thể thơ, với những đặc điểm hình thức mà bất kỳ văn bản thơ Đường luật nào cũng có. Còn bài thơ của Tú Xương, ngoài các đặc điểm chung, còn chứa đựng cuộc đời của Tú Xương, tâm hồn Tú Xương, ngôn ngữ của Tú Xương, thời đại của Tú Xương... Điều này

đúng không chỉ với các tác phẩm văn chương theo nghĩa hẹp (thơ, truyện, ký...), mà cả với các tác phẩm nghị luận chính trị, xã hội.

Để kết luận, xin nhắc lại là chúng tôi không phủ nhận tính công cụ của môn Ngữ văn. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý về tầm quan trọng của việc dạy tiếng Việt và các kỹ năng xử lý văn bản. Nhưng chúng ta không được quên rằng sứ mệnh quan trọng nhất của môn Văn là đào tạo chủ thể văn hóa dân tộc.

Nhân dịp này, chúng ta cũng nên cân nhắc lấy lại tên môn "Văn" truyền thống, vốn phản ánh đúng hơn bản chất và sứ mệnh của môn học.

**Tài liệutham khảo:**

[1] Ngô Tự Lập, "Nhất thể hóa sách giáo khoa như thế nào?", Dân Việt, 17/11/2025, https://danviet.vn/nhat-the-hoa-sach-giao-khoa-nhu-the-nao-print1360739.html

[2] Eagleton, Terry, "Literary Theory - An Introduction", U. of Minnesota,17.

[3] Eagleton, Terry, "Literary Theory - An Introduction", U. of Minnesota,18.

[4] Cánh Buồm, "Học Văn – Lớp Hai", Tri Thức, 2011, 5.

[5] Cánh Buồm, "Học Văn – Lớp Hai", Tri Thức, 2011, Đã dẫn.

[6] Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), "Ngữ văn 6", Cánh Diều, in lần thứ 3, ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh, 2024.

[7] Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), "Ngữ văn 6", Chân trời sáng tạo, in lân thứ 4, Giáo dục Việt Nam, 2025.

[8] Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), "Ngữ văn 6", Kết nối tri thức, 3rd edition, Giáo dục Việt Nam, 2024.